

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	4
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	11
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	11
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	13
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1,2 VÀ 3	13
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	13
Mở đầu	13
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	14
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	16
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	17
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	20
Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	23
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	25
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	27
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	29
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	31
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	32
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	35

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	37
Mở đầu	37
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	37
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	39
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	42
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	44
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	44
Mở đầu	44
Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn	45
Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập	47
Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị	50
Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn	51
Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi	53
Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	56
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	58
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	59
Mở đầu	59
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ	59
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường;	61
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	64
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	65
Mở đầu	65

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	65
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ	69
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	71
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục	74
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	77
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	77
Phần IV. PHỤ LỤC	

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Đánh giá tiêu chí từ Mức 1 đến Mức 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<i>Tiêu chuẩn 1</i>		X	X	
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	X
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
<i>Tiêu chuẩn 2</i>		X	X	
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	
<i>Tiêu chuẩn 3</i>		X	X	
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	X
Tiêu chí 3.5		X	X	
Tiêu chí 3.6		X	X	
<i>Tiêu chuẩn 4</i>		X	X	
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	
<i>Tiêu chuẩn 5</i>		X	X	
Tiêu chí 5.1		X	X	
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	X
Tiêu chí 5.4		X	X	X

Kết quả: Đạt Mức 2

2. Kết luận: Trường đạt Mức 2

Phần I CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Mầm non 19/8

Tên trước đây (nếu có): Măng non 19/8

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Hồ Chí Minh
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Hóc Môn
Xã / phường/thị trấn	Xuân Thới Sơn
Đạt CQG	Mức 1
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2009
Công lập	X
Tư thực	Không
Dân lập	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không

Họ và tên hiệu trưởng	Trịnh Thị Lan
Điện thoại	028.37139697
Fax	Không có.
Website	http://mn19thang8.hcm.edu.vn
Số điểm trường	01 điểm
Loại hình khác	Không có
Thuộc vùng khó khăn	Không có
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không có.

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019
Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi	00	00	01	01	01
Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi	01	01	01	01	01
Nhóm trẻ từ	01	01	01	02	02

25 đến 36 tháng tuổi					
Số lớp mẫu giáo 3- 4 tuổi	03	04	04	04	04
Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	03	04	05	04	05
Số lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi	05	04	05	06	05
Cộng	13	15	17	18	18

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	25	25	25	25	25	
1	Phòng kiên cố	25	25	25	25	25	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
II	Khối phòng phục vụ học tập	02	02	02	02	02	
1	Phòng kiên cố	02	02	02	02	02	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
III	Khối phòng hành chính quản trị	04	04	04	04	04	
1	Phòng kiên cố	04	04	04	04	04	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
IV	Khối phòng	00	00	00	00	00	

	tổ chức ăn						
V	Phòng y tế	01	01	01	01	01	
	Cộng	32	32	32	32	32	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG: Tháng 3 năm 2019

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	00	00	00	01	
Phó hiệu trưởng	02	02	00	00	00	02	
Giáo viên	37	37	00	00	03	34	
Nhân viên	17	11	00	10	07	00	
Cộng							

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019
1	Tổng số giáo viên	27	30	32	37	37
2	Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với nhóm trẻ)	19,75	19,5	9,5	11,37	11
3	Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)	0	0	0	0	0
4	Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)	19	17	22,5	18,9	18,4
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên	3	0	6	0	9

6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	0	0	0
---	--	---	---	---	---	---

4. Trẻ em

T T	Số liệu	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em	515	517	601	638	622	
	- Nữ	259	251	302	329	298	
	- Dân tộc thiểu số	0	9	7	7	8	
2	Đối tượng chính sách	6	8	6	3	0	
3	Khuyết tật	0	0	0	0	0	
4	Tuyển mới	0	0	0	0	0	
5	Học 2 buổi/ngày	515	517	601	638	622	
6	Bán trú	515	517	601	638	622	
7	Tỉ lệ trẻ em/lớp	36,8	34,5	35,4	35,4	34,5	
8	Tỉ lệ trẻ em/nhóm						
	- Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi	0	0	3	7	11	
	- Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi	36	28	22	22	26	
	- Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi	43	50	32	62	51	
	- Trẻ em từ 3-4 tuổi	119	137	122	141	149	
	- Trẻ em từ 4-5 tuổi	110	168	205	158	192	
	- Trẻ em từ 5-6 tuổi	207	136	213	248	193	

b) Công tác phổ cập giáo dục mầm non và kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Ghi chú
Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ huy động trẻ em lứa tuổi mầm non tới trường	100%	100%	100%	100%	100%	
Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non	207/207 100%	136/136 100%	213/213 100%	248/248 100%	193/193 100%	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của trường:

Trường Mầm non 19/8 trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn. Nhà trường hoạt động theo Điều lệ trường mầm non, được thành lập theo Quyết định số 19/QĐ-UB ngày 12/02/2009 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn trên cơ sở nâng cấp trường Mẫu giáo Măng non 19/8 thành trường Mầm non 19/8, tọa lạc tại khu đông dân cư.

Năm học 2013-2014, được sự quan tâm của Ban lãnh đạo các cấp, trường được xây dựng mới tại địa chỉ số 31/7 A, ấp 03 xã Xuân Thới Sơn, với tổng diện tích 6227,2m² từ nguồn vốn ngân sách Thành phố. Trường được xây dựng kiên cố và chính thức đưa vào hoạt động từ tháng 9/2015 trong năm học 2014-2015.

Trong những năm qua trường Mầm non 19/8 cũng đã từng bước nỗ lực đầu tư nâng cao chất lượng giáo dục trẻ, tạo được uy tín đối với lãnh đạo, các bậc cha mẹ học sinh và nhân dân địa phương. Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ giáo viên đồng đều về kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng sư phạm. Qua quá trình nỗ lực của tập thể, liên tục trong nhiều năm qua nhà trường đã được công nhận danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, năm học 2014-2015 đến nay trường đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc và năm 2017-2018 đạt Bằng khen Ủy an nhân dân Thành phố. Tháng 9/2017 nhà Trường được Công nhận Trường Mầm non đạt chuẩn Quốc Gia mức độ 1.

Năm học 2018-2019, trường có 37 giáo viên được phân công trực tiếp làm công tác chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, 100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn trong đó có trường có 03/37 giáo viên đạt trình độ chuẩn (trong đó trên chuẩn là 34/37, đạt tỷ lệ 91.8%) Tổng số học sinh tính đến tháng 5 năm 2019 có 622 trẻ chia thành 18 nhóm lớp từ 6 tháng đến 5-6 tuổi. Trường có Chi bộ độc lập gồm 16 đảng viên; Chi bộ đạt “Trong sạch vững mạnh” liên tục nhiều năm, năm 2018 đạt Hoàn thành tốt nhiệm vụ, giữ vai trò hạt nhân lãnh đạo trong toàn

bộ hoạt động của nhà trường. Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Ban đại diện Cha mẹ học sinh đều hoạt động tích cực, phối hợp cùng nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

2. Mục đích tự đánh giá:

Qua việc tự đánh giá giúp nhà trường từng bước cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng mục tiêu giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

Thông qua kết quả tự đánh giá làm căn cứ giải trình với các cơ quan chức năng, xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục nhà trường để được cơ quan chức năng đánh giá và công nhận Trường Mầm non 19/8 đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

3. Quá trình tự đánh giá và những vấn đề nổi bật trong báo cáo tự đánh giá:

Thực hiện Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

Trường Mầm non 19/8 tự kiểm định chất lượng nhà trường để góp phần đẩy mạnh công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục. Quy trình tự đánh giá của trường được tiến hành như sau:

Ngày 18 tháng 01 năm 2019: Nhà trường thành lập Hội đồng tự đánh giá, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, phân công dự thảo kế hoạch đánh giá, thông qua buổi Họp Hội đồng sư phạm và triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non, tập huấn cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Từ ngày 18 tháng 01 năm 2019 đến ngày 28 tháng 02 năm 2019: Các nhóm thu thập, mã hóa các minh chứng, phân công cá nhân viết phiếu đánh giá tiêu chí.

Ngày 27 tháng 02 năm 2019: Thông qua hoạt động tự đánh giá của các thành viên, tổ nhóm, hội đồng tự đánh giá thống nhất về mức độ đơn vị đạt được theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí và thông qua đề cương chi tiết báo cáo tự đánh giá.

Từ ngày 28 tháng 02 năm 2019 đến ngày 08 tháng 03 năm 2019: Hội đồng tự đánh giá để thông qua báo cáo tự đánh giá đã sửa chữa, xử lý các ý kiến đóng góp.

Ngày 08 tháng 03 năm 2019 đến ngày 22 tháng 03 năm 2019: Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá.

Ngày 02 tháng 04 năm 2019 thực hiện công bố bảng báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường.

Mở đầu:

Trường Mầm non 19/8 xây dựng kế hoạch năm học hàng năm thể hiện được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Trường có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định tại Điều lệ trường mầm non; thực hiện tốt công tác quản lý chuyên môn, tài chính, tài sản. Bên cạnh đó, trường còn chú trọng công tác chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tuyệt đối cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Các Hội đồng trong trường làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và có sự phối hợp chặt chẽ để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của chính quyền địa phương và cơ quan quản lý giáo dục cấp trên; thực hiện tốt các phong trào thi đua do ngành giáo dục và địa phương phát động.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường xây dựng kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật Giáo dục [H1-1.1-01]; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-02].

Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xác định bằng văn bản và được Phòng Giáo dục và đào tạo phê duyệt. [H1-1.1-01].

Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại đơn vị và đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường [H1-1.1-03].

Mức 2:

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch năm học để triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển trường mầm non một cách cụ thể; đồng thời theo dõi, giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường một cách đầy đủ và hiệu quả [H1-1.1-04].

Mức 3:

Nhà trường có rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển phù hợp [H1-1.1-05]. Có sự tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, tuy nhiên số lượng phụ huynh tham gia xây dựng chiến lược cùng nhà trường còn ít.

2. Điểm mạnh

Trường Mầm non 19/8 có xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường phù hợp; có các biện pháp cụ thể để triển khai thực hiện và giám sát việc thực hiện kế hoạch chiến lược và huy động được sự tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

3. Điểm yếu

Số lượng cha mẹ trẻ tham gia xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cán bộ quản lý xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020 - 2025, tổ chức nhiều cuộc hội thảo cùng phụ huynh phối hợp lấy

ý kiến đóng góp, tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường Mầm non 19/8 có Hội đồng trường được thành lập theo quy định gồm 11 thành viên [H1-1.2-01]. Hội đồng thi đua khen thưởng của nhà trường được thành lập vào đầu năm học [H1-1.2-02]. Ngoài ra, vào từng thời điểm trường thành lập những hội đồng khác để đáp ứng yêu cầu công việc như: Hội đồng tuyển sinh được thành lập trước khi khai giảng năm học mới; Hội đồng khoa học xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm; Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi [H1-1.2-03].

Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ trường mầm non: Hội đồng trường giúp nhà trường đánh giá các hoạt động, rà soát các chỉ tiêu nhà trường đề ra trong kế hoạch năm học trường đã thực hiện từng học kỳ; Hội đồng thi đua giúp nhà trường nhận xét, đánh giá thi đua chất lượng hiệu quả, công khai, theo đúng quy trình.[H1-1.2-04].

Hoạt động của hội đồng trường và các Hội đồng khác được định kỳ, rà soát và đánh giá để nâng cao hiệu quả hoạt động [H1-1.2-04].

Mức 2:

Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường [H1-1.2-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập theo quy định và hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn một cách có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Các thành viên của Hội đồng trường chưa phát huy hết năng lực, công tác chính là giảng dạy nên công tác kiêm nhiệm của hội đồng chưa sâu, hiệu quả không cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2018-2019 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tổ chức tập huấn chuyên sâu thêm cho thành viên hội đồng, giúp họ hoạt động tốt hơn, phát huy tối đa năng lực.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường cơ cấu tổ chức theo quy định: tổ chức Công đoàn cơ sở gồm 53 công đoàn viên trực thuộc Liên đoàn lao động huyện Hóc Môn [H1-1.3-01]. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, trực thuộc Đoàn xã Xuân Thới Sơn [H1-1.3-02]. Trường có các tổ chức xã hội: Hội Chữ thập đỏ [H1-1.3-03], Hội khuyến học [H1-1.3-04].

Ban chấp hành công đoàn thực hiện đúng nhiệm vụ và chức năng Công đoàn, nhiều năm liền đạt Công đoàn vững mạnh xuất sắc [H1-1.3-01]. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh gồm 13 đoàn viên trực thuộc Đoàn xã Xuân Thới Sơn, đạt thành tích Chi đoàn mạnh nhiều năm liền [H1-1.3-02]. Hội Chữ thập đỏ hoạt động tốt theo kế hoạch của Hội Chữ thập đỏ huyện Hóc Môn [H1-1.3-03], Hội Khuyến học hoạt động theo kế hoạch của Hội Khuyến học xã Xuân Thới Sơn [H1-1.3-04].

Hàng năm, các đoàn thể và các tổ chức khác được rà soát, đánh giá [H1-1.2-05]. Công đoàn cơ sở đạt vững mạnh [H1-1.3-01], Chi đoàn đạt mạnh [H1-1.3-02].

Mức 2:

Nhà trường có chi bộ Đảng trực thuộc Đảng ủy xã Xuân Thới Sơn, bí thư Chi bộ là Hiệu trưởng Trường Mầm non 19/8 [H1-1.03-05] Chi bộ nhà trường gồm có 16 đảng viên (03 cán bộ quản lý, 10 giáo viên và 03 nhân viên), tổ chức sinh hoạt định kỳ hằng tháng theo quy định Điều lệ đảng để đánh giá các hoạt động giáo dục trong nhà trường và xây dựng tổ chức đảng ở đơn vị, công tác xây dựng Đảng và chỉ đạo các mặt hoạt động của các đoàn thể [H1-1.3-05]; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 01 năm 2018 đạt chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ, Năm 2014, 2015, 2016, 2017 chi bộ nhà trường đạt trong sạch vững mạnh [H1-1.3-05];

Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường: Công đoàn vận động các phong trào thi đua thao giảng, dạy tốt, thi giáo viên giỏi, viết sáng kiến, vận động đóng góp ủng hộ các phong trào, các cuộc vận động xã hội như đóng góp nhà tình nghĩa, hiến máu nhân đạo, giúp đỡ hoàn cảnh khó khăn ... Đoàn thanh niên thực hiện nhiều công trình thanh niên như chăm lo mẹ neo đơn, bán tranh cát gây quỹ học bổng tặng học sinh khó khăn của trường, về nguồn ở Địa đạo Củ Chi, Phát động phụ huynh học sinh, đoàn viên bảo vệ môi trường, giới thiệu đoàn viên ưu tú làm nguồn cho Đảng... Công đoàn thực hiện chăm lo các chế độ ngày lễ tết, thăm bệnh, mừng ngày cưới, phúng điếu kịp thời cho công đoàn viên đơn vị, tổ chức và tham gia nhiều phong trào đạt giải, tham gia hiến máu nhân đạo thường xuyên, tổ chức tham hỏi và tặng quà cho mẹ Việt nam anh hùng, mẹ neo đơn, người có hoàn cảnh khó khăn, giới thiệu những đoàn viên ưu tú cho Đảng... [H1-1.3-01]. Hằng năm, Hội chữ thập đỏ đóng góp theo kế hoạch vận động của hội chữ thập đỏ huyện [H1-1.3-03]. Hội khuyến học nhà trường tổ chức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh nuôi heo đất, chăm lo cho học sinh nghèo, khó khăn. Tặng quà cho học sinh trong các lễ hội Trung thu, Quốc tế thiếu nhi. Tuy nhiên các hoạt động Hội khuyến học chưa có nhiều hình thức mới nên hạn chế trong việc thu hút sự tham gia của phụ huynh [H1-1.3-04].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Chi bộ nhà trường có 04 năm đạt trong sạch vững mạnh (năm 2014, 2015, 2016, 2017), 01 năm đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ (năm 2018) [H1-1.3-05];

Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường như hỗ trợ văn nghệ, các hội thi nông thôn mới của xã Xuân Thới Sơn, tham gia thi nấu ăn, thi tìm hiểu về Bác, thi trực tuyến..., Tham gia đóng góp học bổng, giúp mẹ neo đơn, chăm lo mẹ Việt nam anh hùng, chăm lo học sinh khó khăn...nhưng còn hạn chế trong việc đóng góp vào các hoạt động của cộng đồng [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

3. Điểm yếu

Hoạt động Hội khuyến học chưa có nhiều hình thức mới nên không thu hút sự tham gia của phụ huynh nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2019 - 2020 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì cơ cấu bộ máy tổ chức theo quy định tại Điều lệ trường mầm non và phát huy vai trò của các tổ chức trong nhà trường. Ngoài ra, nhà trường tham gia cùng hội khuyến học xây dựng kế hoạch hoạt động phong phú, đổi mới hình thức hoạt động, tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động khuyến học khuyến tài.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;

- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường Mầm non 19/8 là trường hạng I, nhà trường được bố trí cán bộ quản lý gồm 01 hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng [H1-1.04-01].

Hằng năm, hiệu trưởng ra quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó cho các tổ nhằm đảm bảo đúng cơ cấu theo quy định, trường có 05 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng: Tổ chuyên môn gồm 01 tổ cấp dưỡng (07 cấp dưỡng) và 04 tổ giáo viên (01 tổ giáo viên khối Mầm, 01 tổ giáo viên khối Nhà trẻ, 01 tổ giáo viên khối Chồi, 01 tổ giáo viên khối Lá); Tổ văn phòng gồm 01 kế toán, 01 nhân viên y tế, 01 văn thư, 01 thủ quỹ, 03 bảo vệ, 03 nhân viên phục vụ, [H1-1.04-02].

Căn cứ vào kế hoạch năm học của nhà trường, tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động năm học và thực hiện các nhiệm vụ theo

quy định [H1-1-04-03]. Tổ chuyên môn, tổ văn phòng sinh hoạt chuyên môn định kỳ 02 lần/01 tháng [H1-1-04-04]. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng hoạt động hiệu quả.

Mức 2:

Năm học 2018 - 2019 tổ chuyên môn thực hiện theo kế hoạch của trường và Phòng Giáo Dục và Đào Tạo đề xuất và thực hiện 02 chuyên đề cấp trường “Nâng cao chất lượng đổi mới tổ chức hoạt động hoạt động phát triển nhận thức trong trường mầm non” và “Nâng cao chất lượng đổi mới tổ chức hoạt động hoạt động phát triển vận động trong phòng thể chất”; tổ chức 01 chuyên đề cho huyện “Nâng cao chất lượng đổi mới hoạt động phát triển ngôn ngữ trong trường mầm non” [H1-1.4-05].

Hàng tháng tổ chuyên môn và tổ văn phòng sinh hoạt định kỳ để rà soát, đánh giá, điều chỉnh và xây dựng kế hoạch hoạt động cho tháng tiếp theo [H1-1.4-04].

Mức 3:

Tổ chuyên môn và tổ văn phòng hoạt động tích cực, hoàn thành tốt các kế hoạch đề ra góp phần trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

Tổ chuyên môn của nhà trường thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn theo kế hoạch của nhà trường, của Phòng Giáo Dục và Đào Tạo góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Tuy nhiên các tổ chuyên môn chưa tự đề xuất chuyên đề riêng của tổ, chưa xây dựng và tổ chức chuyên đề của tổ [H1-1.4-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ cơ cấu tổ chức bộ máy và hoạt động theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng hoạt động tích cực, thực hiện tốt kế hoạch của tổ, nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Các tổ chuyên môn chưa tự đề xuất chuyên đề riêng của tổ, chưa xây dựng và tổ chức chuyên đề của tổ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2019 - 2020 và những năm tiếp theo Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn sẽ hướng dẫn tổ trưởng lấy ý kiến giáo viên trong tổ, chọn lĩnh vực giáo viên còn hạn chế, xây dựng kế hoạch và thực hiện chuyên đề chuyên sâu của tổ mình, giúp giáo viên nắm vững chuyên môn hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có 18 nhóm, lớp được phân chia theo đúng độ tuổi, trong đó có 01 lớp ghép do sĩ số học sinh ít (6 - 12 tháng và 12 - 18 tháng), có đầy đủ hồ sơ quản lý trẻ theo quy định:

- + Nhóm 6 - 18 tháng: 01
- + Nhóm 19 - 24 tháng: 01
- + Nhóm 25 - 36 tháng : 02
- + Lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi: 04
- + Lớp mẫu giáo 4 - 5 tuổi: 05
- + Lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi: 05 [H1-1-05-01].

100% nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày [H1-1.5-01].

Trong các năm qua, trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

Mức 2:

Năm học 2018 - 2019 toàn trường có tổng số 612 trẻ, trong đó:

- 01 Nhóm 6 – 18 tháng (11 bé)
- 01 Nhóm 19 - 24 tháng (26 bé)
- 02 Nhóm 25 - 36 tháng (51 trẻ)
- 04 Lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi (149 trẻ)
- 05 Lớp mẫu giáo 4 - 5 tuổi (192 trẻ)
- 05 Lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi (193 trẻ) [H1-1.05-01].

Số trẻ của Lớp mẫu giáo 4 – 5 tuổi và 5 - 6 tuổi còn cao theo Điều lệ trường mầm non quy định.

Mức 3:

Nhà trường có 18 lớp (mẫu giáo phù hợp với quy định [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Trường có các nhóm lớp nhà trẻ và mẫu giáo được phân chia theo đúng độ tuổi và tổ chức học 02 buổi/ ngày 100%.

3. Điểm yếu

Số trẻ của các lớp mẫu giáo 4-5 tuổi và 5 - 6 tuổi còn cao theo Điều lệ trường mầm non quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2019 - 2020, trường duy trì phân chia số trẻ đúng độ tuổi. Song song đó, nhà trường tuyển thêm giáo viên để tách thêm lớp đúng số lượng trẻ theo Điều lệ trường mầm non.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hồ sơ, sổ sách của nhà trường đầy đủ, sắp xếp khoa học được thực hiện đúng theo quy định của Luật Lưu trữ như: Hồ sơ quản lý nhân sự [H1-1.6-01], hồ sơ thi đua [H1-1.6-02], hồ sơ kiểm tra bộ phận [H1-1.6-03], sổ công văn đi, đến [H1-1.6-04], hồ sơ quản lý tài sản, tài chính, cơ sở vật chất [H1-1.6-05], hồ sơ quản lý bán trú [H1-1.6-06].

Nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định [H1-1.6-07]; thực hiện công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định [H1-1.6-08]. Hằng năm, quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-09].

Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục [H1-1.6-09];

Mức 2:

Nhà trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính thông qua các phần mềm như: Phần mềm quản lý cán bộ công chức, phần mềm EPMIS, phần mềm quản lý dữ liệu giáo dục, phần mềm phổ cập giáo dục [H1-1.6-10]. Nhà trường thực hiện quản lý tài chính và tài sản thông qua các phần mềm như: Phần mềm quản lý tài sản, phần mềm kế toán IMAS, EPMIS, cổng thông tin điện tử, kết nối mạng nội bộ, phần mềm VIETEC, phần mềm quản lý chất lượng giáo dục, ... Công tác tài chính hằng năm được Phòng tài chính huyện kiểm tra và đánh giá tốt [H1-1.6-11].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo biên bản kiểm tra quyết toán hằng năm [H1-1.6-07].

Mức 3:

Nhà trường chưa có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo đúng quy định. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục. Ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản. Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn để cải tạo nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện thực tế.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có kế hoạch dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với tình hình thực tế, địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2019 - 2020 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục. Nhà trường sẽ xây dựng kế hoạch dài hạn tạo nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện Trường mầm non 19/8.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch cụ thể để bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, khuyến khích và tạo điều kiện cho giáo viên, nhân viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Tuy nhiên, trường còn 03 giáo viên trình độ trung cấp và chưa có nhân viên cấp dưỡng trình độ trung cấp [H1-1.7-01].

Vào đầu mỗi năm học, nhà trường xây dựng bảng phân công cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường, được Cán bộ quản lý họp thống nhất và triển khai thực hiện trong nhà trường [H1-1.7-02].

Hàng năm nhà trường xây dựng Quy chế dân chủ, phát huy quyền làm chủ của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong mọi hoạt động của nhà trường được đảm bảo các quyền theo quy định [H1-1.7-03].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện phân công hợp lý để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường [H1-1.7-02]. Hàng tháng, nhà trường thực hiện đánh giá hiệu quả công tác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, qua đó điều chỉnh những hạn chế và phát huy ưu điểm của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. 34/37 giáo viên đạt trình độ trên chuẩn [H1-1.2-04].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, được phân công hợp lý để phát huy tối đa năng lực, được đảm bảo các quyền theo quy định.

2. Điểm yếu

Hiện nhà trường còn 03/37 giáo viên chưa nâng chuẩn, chiếm tỉ lệ 8.1%

Chưa có nhân viên cấp dưỡng đạt trình độ trung cấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2018 - 2019 và những năm tiếp theo nhà trường sẽ Xây dựng kế hoạch nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, tạo điều kiện cho đội ngũ nâng cao trình độ chính trị và chuyên môn nghiệp vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho 03 giáo viên trung cấp đang học Đại học mầm non, đồng thời khuyến khích nhân viên cấp dưỡng tham gia học lớp trung cấp nấu ăn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1. 8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

- a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;
- b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;
- c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng phù hợp với Thông tư 17/2009/TT-BGDĐT và điều chỉnh bổ sung theo Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương và nhà trường [H1-1.8-01].

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được các nhóm lớp xây dựng thành kế hoạch cụ thể cho từng lứa tuổi và được thực hiện soạn trên phần mềm Mindjet MindManager đầy đủ [H1-1.8-02].

Kế hoạch giáo dục của các lớp được Tổ trưởng chuyên môn và Phó Hiệu trưởng kiểm tra, nhận xét, đánh giá định kỳ để giáo viên kịp thời rà soát, điều chỉnh kế hoạch phù hợp mang lại hiệu quả chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.8-03].

Mức 2:

Công tác kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường bằng các biện pháp chỉ đạo như: thông qua mạng nội bộ, thăm lớp, dự giờ thực tế, kiểm tra có kế hoạch báo trước và đột xuất để đánh giá giáo viên nâng cao hiệu quả nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại đơn vị và được Tổ mầm non huyện đánh giá tốt, tuy nhiên một vài giáo viên soạn kế hoạch giáo dục chưa linh hoạt điều chỉnh phù hợp khả năng trẻ tập trung ở giáo viên mới ra trường [H1-1.8-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng và thực hiện đầy đủ các kế hoạch giáo dục; có các biện pháp rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời và được Tổ mầm non huyện Hóc Môn đánh giá tốt.

3. Điểm yếu

Còn một số giáo viên mới chưa linh hoạt điều chỉnh kế hoạch giáo dục phù hợp với khả năng của trẻ tại lớp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2018 - 2019 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục chỉ đạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá, và chú ý kiểm tra bồi dưỡng cho giáo viên mới nhiều hơn, để nâng hiệu quả chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trước khi ban hành kế hoạch năm học, kế hoạch giáo dục, các nội quy quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường, nhà trường tổ chức lấy ý kiến để tất các cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến theo quy định tại quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường, ban hành kèm theo Thông tư 01/2016/TT-BNV ngày 13 tháng 01 năm 2016 [H1-1.9-01].

Nhà trường không xảy ra các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh [H1-1.2-05].

Hằng năm, nhà trường thực hiện các báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở [H1-1.7-03].

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả thông qua văn bản, các cuộc họp, quy chế chi tiêu nội bộ, bảng công khai tại văn phòng [H1-1-09-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đúng và đầy đủ quy chế dân chủ đã được thống nhất trong tập thể; thực hiện tốt các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

3. Điểm yếu

Trong các buổi họp nhân viên nhà trường chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến xây dựng tập thể.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2019 - 2020 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu về thực hiện quy chế dân chủ hoạt động của các tổ chức đoàn thể trong đơn vị, động viên gợi ý để các thành viên mạnh dạn góp ý, rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện để tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường xây dựng đầy đủ các phương án đảm bảo an ninh trật tự; phương án đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; phương án an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; phương án an toàn phòng, chống cháy, nổ; phương án an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phương án phòng, chống dịch bệnh; phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-01]. Bếp ăn của nhà trường được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm [H1-1.10-02].

Nhà trường có hộp thư góp ý, đường dây nóng và hình thức tiếp công dân trực tiếp để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]. Nhà trường đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường. Trường Mầm non 19/8 có tổ chức tuyên truyền, giới thiệu biện

pháp phòng chống tai nạn, thương tích, phòng cháy chữa cháy, phòng chống ngộ độc thực phẩm đến phụ huynh ở đầu năm học và hằng tháng thông qua bảng truyền thông tuy nhiên trong các buổi họp đầu năm vẫn còn nhiều phụ huynh vắng mặt [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05].

Nhà trường không xảy ra hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới [H1-1.2-04].

Mức 2:

Nhà trường phổ biến, hướng dẫn, thực hành cho tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em thực hiện phương án: Đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-05].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự [H1-1.10-04]. Nhà trường không xảy ra hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng và triển khai đầy đủ các phương án để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học; có các hình thức tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh của người dân; không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường bằng nhiều hình thức đa dạng.

3. Điểm yếu

Nhà trường tổ chức hình thức tuyên truyền các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích và an toàn thực phẩm đến phụ huynh trong buổi họp đầu năm chưa được 100% phụ huynh, vì có nhiều phụ huynh vắng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2018 - 2019 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì hiệu quả đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Tiếp tục cải tiến hình thức tuyên truyền và vận động phụ huynh tham dự đầy đủ, tổ chức lồng ghép họp sau giờ đón trẻ để đảm bảo nhiều phụ huynh tham gia nhằm nâng cao hiệu quả phối hợp với phụ huynh trong việc đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường cho toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Đảm bảo an toàn trong trường học và nâng cao hiệu quả chất lượng cuộc sống.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng có kế hoạch thực hiện nhiệm vụ quản lý cụ thể và chỉ đạo kịp thời mọi hoạt động trong nhà trường. Xây dựng dự toán, thực hiện quyết toán theo qui định, có kế hoạch thu chi rõ ràng, công khai tài chính minh bạch, lưu biên bản kiểm tra đầy đủ. Trường có cơ cấu nhóm, lớp đúng theo qui định của Điều lệ trường mầm non. Luôn đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ và đội ngũ khi đang sinh hoạt và làm việc tại trường. Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn hằng tháng. Công tác thi đua, khen thưởng kịp thời, tạo động lực để đội ngũ phấn đấu vươn lên, phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường. Tổ chức và quản lý nhà trường hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu nhiệm vụ đã đề ra. Luôn đạt được thành tích tốt trong các phong trào thi đua của ngành và của trường

Điểm yếu cơ bản:

Số lượng cha mẹ trẻ tham gia xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường chưa nhiều.

Các thành viên của Hội đồng trường chưa phát huy hết năng lực, công tác chính là giảng dạy nên công tác kiêm nhiệm của hội đồng chưa sâu, hiệu quả không cao.

Hoạt động Hội khuyến học chưa có nhiều hình thức mới nên không thu hút sự tham gia của phụ huynh nhiều

Các tổ chuyên môn chưa tự đề xuất chuyên đề riêng của tổ, chưa xây dựng và tổ chức chuyên đề của tổ.

Số trẻ của các lớp mẫu giáo 4 - 5 tuổi và 5 - 6 tuổi còn cao theo Điều lệ trường mầm non quy định.

Nhà trường chưa có kế hoạch dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với tình hình thực tế, địa phương

Hiện nhà trường còn 03/37 giáo viên chưa nâng chuẩn, chiếm tỉ lệ 8.1%

Chưa có nhân viên cấp dưỡng đạt trình độ trung cấp.

Còn một số giáo viên mới chưa linh hoạt điều chỉnh kế hoạch giáo dục phù hợp với khả năng của trẻ tại lớp.

Nhà trường tổ chức Hình thức tuyên truyền các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích và an toàn thực phẩm đến phụ huynh trong buổi họp đầu năm chưa được 100% phụ huynh, vì có nhiều phụ huynh vắng.

Trong các buổi họp nhân viên nhà trường chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến xây dựng tập thể.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/00

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu:

Trường Mầm non 19/8 đảm bảo đầy đủ nhân sự theo cơ cấu của Điều lệ trường mầm non. Bên cạnh đó, trường luôn chú trọng nâng cao chất lượng của đội ngũ như: Tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên học tập nâng cao năng lực quản lý, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; tạo điều kiện về cơ sở vật chất, bảo vệ quyền lợi chính đáng để giáo viên, nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Hiệu trưởng có thời gian công tác 22 năm, trong đó có 14 năm làm công tác quản lý, Phó Hiệu trưởng phụ trách giáo dục có thời gian công tác 18 năm với 08 năm làm công tác quản lý, phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng có thời gian công tác 32 năm với 17 năm làm công tác quản lý, Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng có bằng Đại học Sư

phạm mầm non, phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục có bằng Cao đẳng Sư phạm mầm non, Cán bộ quản lý đã qua lớp Trung cấp lý luận chính trị [H1-1.4-01].

Hàng năm, hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng đều được nhận xét, góp ý, đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo qui định. Liên tục từ năm học 2014 – 2015, 2015 – 2016, 2016 – 2017, 2017 – 2018 hiệu trưởng, phó hiệu trưởng xếp loại Xuất sắc; năm học 2018 – 2019 xếp đạt mức Tốt theo Chuẩn hiệu trưởng và Chuẩn phó hiệu trưởng trường mầm non quy định [H2-2.1-01].

03 cán bộ quản lý nhà trường đã có bằng Đại học quản lý giáo dục mầm non, có chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin A, chứng chỉ anh văn B; hiệu trưởng và phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục đã học lớp bồi dưỡng chuyên viên. Tuy nhiên phó hiệu trưởng nuôi chưa qua lớp Bồi dưỡng chuyên viên [H1-1.6-01].

Mức 2:

Liên tục 05 năm tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều đạt 04 năm Xuất sắc, 01 năm đạt mức Tốt theo Chuẩn hiệu trưởng và Chuẩn phó hiệu trưởng trường mầm non quy định [H2-2.1-01].

Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng đã có giấy chứng nhận Trung cấp lý luận chính trị-hành chính [H1-1.6-01]. Cán bộ quản lý được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm [H1-1.6-01].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tục tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều đạt 04 năm xuất sắc, 01 năm đạt mức Tốt theo Chuẩn hiệu trưởng và Chuẩn phó hiệu trưởng trường mầm non quy định [H2-2.1-01].

2. Điểm mạnh

03 cán bộ quản lý đạt trình độ chuyên môn trê chuẩn, có bằng Đại học quản lý giáo dục, Trung cấp lý luận chính trị và có đủ các chứng chỉ anh văn, tin học theo quy định. 02 quản lý có bằng Bồi dưỡng ngạch chuyên viên (hiệu trưởng, phó hiệu trưởng giáo dục).

Có 03/03 - tỷ lệ 100% hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường được đánh

giá xếp loại 04 năm Xuất sắc, 01 năm đạt mức Tốt theo Chuẩn hiệu trưởng và Chuẩn phó hiệu trưởng trường mầm non, có năng lực kinh nghiệm trong quản lý và tổ chức các hoạt động của nhà trường, được sự tín nhiệm cao từ tập thể và phụ huynh.

3. Điểm yếu

Phó Hiệu trưởng phụ trách giáo dục đang tham gia học Đại học Mầm non (chưa có bằng) và phó hiệu trưởng nuôi chưa qua lớp Bồi dưỡng ngạch chuyên viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2019 - 2020 và những năm tiếp theo, trường tiếp tục động viên, tạo điều kiện cho phó hiệu trưởng giáo dục lấy bằng Đại học mầm non và đăng ký lớp Bồi dưỡng ngạch chuyên viên để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhằm đáp ứng với yêu cầu ngày càng cao của ngành học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt

chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

2.2.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên nhà trẻ và giáo viên mẫu giáo theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ: Gồm 37 giáo viên, trong đó 08 giáo viên phụ trách nhóm nhà trẻ (07 giáo viên biên chế và 01 giáo viên hợp đồng): 6 – 18 tháng/02 giáo viên; 19 – 24 tháng/02 giáo viên 25-36 tháng/04 giáo viên và 29 giáo viên phụ trách 14 lớp mẫu giáo (01 giáo viên đang nghỉ hộ sản): 04 lớp 3-4 tuổi/8 giáo viên; 05 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi/10 giáo viên; 05 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi/ 10 giáo viên [H1-1.7-02].

Trường có 3/37 giáo viên - tỉ lệ 8.1% giáo viên đạt chuẩn giáo viên mầm non và 34/37 giáo viên - tỉ lệ 91,8% có trình độ đào tạo trên chuẩn theo quy định [H2-2.2-01].

Hàng năm nhà trường đánh giá xếp loại giáo viên theo quy định, năm học 2018 – 2019 đạt mức đạt 8/37 giáo viên, 25/37 giáo viên đạt mức khá, 04 giáo viên mức tốt, không có trường hợp đạt yêu cầu [H2-2.2-02].

Mức 2:

Trình độ đào tạo đạt trên chuẩn của giáo viên đến thời điểm hiện tại có 34/37 giáo viên đạt tỉ lệ 91.8%, còn 03/37 giáo viên tỉ lệ 8.1% đang tham gia học lớp Đại học mầm non, được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình bồi dưỡng [H2-2.2-01].

Trong 05 năm liên tiếp:

+ Năm học 2014-2015, 2015-2016, 2016-2017 có 15/15 giáo viên - tỉ lệ 100% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên đạt từ khá trở lên.

+ Năm học 2017-2018 có 20/20 giáo viên đạt khá trở lên, trong đó có 11/20 giáo viên xếp loại xuất sắc- tỉ lệ 55%

+ Năm học 2018-2019 có 29/37 giáo viên đạt khá trở lên, trong đó 25/37 đạt khá- Tỉ lệ: 67.5%. 4/37 đạt tốt- Tỉ lệ: 10.8% [H2-2.2-02].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.2-04].

Mức 3:

Trường có giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo: 34/37 giáo viên đạt tỉ lệ 90.8% (trong đó 22/37 giáo viên có bằng Đại học mầm non – tỉ lệ 59,4%. Cao đẳng: 12 giáo viên- tỉ lệ: 32,4%) [H2-2.2-01].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường có 37/37 giáo viên - tỉ lệ 100% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên, 04/37 giáo viên mức tốt và có 25/37 giáo viên - tỉ lệ 67,5% xếp loại viên chức xuất sắc năm học 2018 - 2019 [H2-2.2-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định, giáo viên có trình độ trên chuẩn 34/37 giáo viên - tỉ lệ 91.8%, đạt chuẩn 03/37 giáo viên - tỉ lệ 8.1%. 100% giáo viên đạt chuẩn, trong đó có 08/37 giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, 25/37 giáo viên đạt chuẩn mức khá, 04 /37 giáo viên đạt chuẩn mức tốt và có 20/37 giáo viên - tỉ lệ 60.6% xếp loại công chức, viên chức xuất sắc (2018 - 2019).

3. Điểm yếu

Nhà trường còn 03/37 giáo viên - tỷ lệ 8.1% giáo viên đạt trình độ trung cấp đang học Đại học mầm non.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2018 – 2019, nhà trường tiếp tục thực hiện kế hoạch nâng chuẩn, tạo điều kiện thời gian cho 03 giáo viên trình độ trung cấp đang tham gia học Đại học Sư phạm mầm non tốt nghiệp đúng tiến độ, dự kiến hoàn thành tốt nghiệp vào năm học 2020-2021.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

- a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;
- b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;
- c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;
- b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường Mầm non 19/8 có đủ nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm phụ trách các hoạt động của nhà trường do hiệu trưởng phân công: 01 kế toán, 01 nhân viên thủ quỹ, 01 văn thư, 01 nhân viên y tế, 03 bảo vệ, 03 nhân viên phục vụ, 07 cấp dưỡng [H2-2.3-01].

Nhân viên đều được qua trường lớp đào tạo chuyên ngành như: Kế toán có trình độ Đại học chuyên ngành kế toán, y tế có trình độ trung cấp y sỹ; Thủ quỹ trình độ trung cấp kế toán; 07 cấp dưỡng đã qua sơ cấp nấu ăn, cấp dưỡng chưa có trình độ Trung cấp nấu ăn [H2-2.3-01]. Nhân viên của trường được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực [H1-1.7-02];

Đội ngũ nhân viên của nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chức trách được giao theo quy định tại Điều 36 của Điều lệ trường mầm non [H2-2.3-02].

Mức 2:

Trường có đủ số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định thực hiện có hiệu quả các công việc của nhà trường: 01 kế toán, 01 nhân viên thủ quỹ, 01 văn thư, 01 nhân viên y tế, 03 bảo vệ, 03 nhân viên phục vụ, 07 cấp dưỡng [H1-1.7-02].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.2-04].

Mức 3:

Nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm như: Kế toán có trình độ Đại học chuyên ngành kế toán; Văn thư có bằng Trung cấp Văn thư lưu trữ; Thủ quỹ có trình độ Trung cấp tài chính; Y tế có trình độ trung cấp y sỹ; cấp dưỡng đã qua sơ cấp nấu ăn, nhân viên bảo vệ được bồi dưỡng về nghiệp vụ bảo vệ hằng năm [H2-2.2-01].

Hằng năm, nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm [H2-2.3-03].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên, giáo viên trình độ chuyên môn đạt chuẩn và trên chuẩn, nhà trường phân công đúng chuyên môn và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chức trách được giao theo quy định.

3. Điểm yếu

Nhân viên cấp dưỡng chưa có bằng Trung cấp nấu ăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường duy trì phát huy các mặt mạnh, ngoài ra tạo điều kiện 01 cấp dưỡng đăng ký học lớp Trung cấp nấu ăn trong năm học 2019-2020. Những năm kế tiếp, sẽ có kế hoạch cấp dưỡng còn lại tham gia học lớp Trung cấp nấu ăn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật:

Cán bộ quản lý nhà trường có năng lực, kinh nghiệm trong quản lý và tổ chức các hoạt động của nhà trường, nắm vững Chương trình Giáo dục mầm non. Giáo viên có trình độ chuyên môn trên chuẩn cao, được đánh giá, xếp loại theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

Đội ngũ nhân viên, giáo viên có trình độ chuyên môn đạt chuẩn và trên chuẩn, có kinh nghiệm được phân công đúng chuyên môn và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chức trách được giao theo quy định.

Điểm yếu cơ bản:

Phó Hiệu trưởng phụ trách giáo dục đang học lớp Đại học mầm non chưa có bằng.

Nhà trường còn 03/37 giáo viên - tỷ lệ 8.1% giáo viên đạt trình độ trung cấp.

Nhân viên cấp dưỡng chưa có bằng Trung cấp nấu ăn.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 03/03.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/03.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Cơ sở vật chất của nhà trường được đầu tư, cải tạo ngày càng khang trang, hiện đại; các thiết bị, đồ dùng đồ chơi trong lớp và ngoài trời theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành được trang bị đầy đủ để đáp ứng yêu cầu nâng

cao chất lượng giáo dục hiện nay. Các phòng học, bếp ăn, khuôn viên nhà trường, sân, vườn và khu vực cho trẻ chơi đảm bảo theo yêu cầu quy định.

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1:

a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;

b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;

c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.

Mức 2:

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có tổng diện tích đất là 6.227 m², bình quân 10 m²/trẻ, được xây dựng kiên cố, một trệt, một lầu, nền được lát gạch không trơn trượt, riêng nền nhà nhóm trẻ 25 – 36 tháng được lát bằng gỗ, đảm bảo đủ diện tích cho trẻ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-01].

Khuôn viên trường có tường rào bao quanh, được xây dựng chắc chắn, kiên cố; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ, cổng chính có biển tên trường theo quy định của Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-02].

Nhà trường có sân chơi khá rộng rãi với diện tích 3104,2m², được quy hoạch, thiết kế phù hợp, thuận tiện cho trẻ vui chơi: Khu chơi cát và nước, khu trò chơi dân gian, khu trò chơi vận động [H3-3.1-03]. Mỗi phòng lớp đều có hiên chơi trước 20m² và hiên chơi sau với diện tích 15,8m² cho trẻ vui chơi, học tập, ăn uống đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ khi sinh hoạt, có lan can bao quanh cao 1,5m, trường có cây xanh, vườn cây, vườn rau dành riêng cho trẻ ươm cây, chăm sóc giúp trẻ khám phá, học tập, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ đều được sử dụng. Tuy nhiên diện tích sân bê tông hóa nhiều [H3-3.1-03].

Mức 2:

Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định cụ thể: Diện tích xây dựng công trình 3104,2 m²/6,227m² - tỉ lệ 49,8%; [H3-3.1-01].

Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có mái che khu vực nắng; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập [H3-3.1-02]; [H3-3.1-04].

Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định, sân vườn luôn sạch sẽ, có đồ chơi ngoài trời phù hợp với trẻ như: khu trò chơi vận động, cầu trượt, leo núi, bập bênh nhún, thang leo, đu quay; xích đu, cầu thăng bằng [H3-3.1-05].

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ [H3-3.1-05].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ diện tích đất sử dụng đạt theo quy định, được xây dựng kiên cố, có biển tên trường và tường rào bao xung quanh kiên cố đảm bảo an toàn. Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và bổ sung đồ chơi ngoài danh mục quy định. Sân chơi có bóng mát, mái che đảm bảo che mát cho bé khi chơi.

3. Điểm yếu

Sân chơi bê tông hóa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục qui hoạch trồng thêm cây xanh, phân nhân viên chăm sóc cây thường xuyên tưới nước, bón phân để cây luôn tươi tốt, phát triển nhanh tạo bóng mát cho trẻ hoạt động ngoài sân. Đồng thời cải tạo, xây dựng môi trường thân thiện, trải thêm cỏ nhân tạo, giảm bê tông hóa khu vực sân chơi để trẻ được gần gũi thiên nhiên hơn.

6. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1:

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Trường có 25 phòng học, trong đó có 07 phòng nhóm nhà trẻ và 18 phòng lớp mẫu giáo. Sử dụng 04 phòng nhóm nhà trẻ (01 nhóm 6 - 18 tháng, 01 nhóm 19 – 24 tháng, 02 nhóm 25 - 36 tháng và 14 phòng lớp mẫu giáo, trong đó 05 phòng lớp 5-6 tuổi, 05 phòng lớp 4-5 tuổi, 04 phòng lớp 3-4 tuổi. Trường đảm bảo phân chia số lớp theo đúng lứa tuổi, quy mô phòng học và hạng trường [H3-3.2-01].

Phòng sinh hoạt chung: diện tích phòng khối mẫu giáo 76,3m²/phòng, bình quân 2m²/trẻ; có đủ ánh sáng, thoáng mát, nền nhà khô sạch; trẻ ăn ngủ tại phòng sinh hoạt; lớp được trang bị tủ kệ, tivi, đầu đĩa, casset, máy vi tính, kệ đồ chơi, đồ dùng, cá nhân phục vụ hoạt động của cháu đảm bảo an toàn, đúng qui cách bố trí sắp xếp gọn gàng [H3-3.2-02]. Phòng Giáo dục nghệ thuật 73,5m² và Phòng Giáo dục thể chất đều có diện tích 73,5m² và lịch sinh hoạt cụ thể, Phòng Giáo dục nghệ thuật có gương áp tường và gióng múa, trang bị các đồ chơi âm

nhạc, quần áo, trang phục, đạo cụ múa, đàn casio, máy casset, trang phục, Phòng Giáo dục thể chất có thang leo, bộ tập gym, vòng, banh, các loại đồ chơi đi thăng bằng, nệm mouse để trẻ vận động được đảm bảo an toàn, Phòng thư viện có nội quy phòng thư viện, trang bị đầy đủ các loại kệ để sách, tranh truyện phù hợp, có đủ bàn ghế nệm... tạo cho trẻ thoải mái khi đọc, xem sách. [H3-3.2-03].

Các phòng đều có hệ thống đèn chiếu sáng phù hợp, đúng theo quy định, xung quanh phòng có trang bị quạt trần, tủ, kệ đựng hồ sơ, đồ dùng, trang thiết bị phù hợp với chức năng của từng phòng [H3-3.2-04].

Mức 2:

Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật đảm bảo đạt chuẩn theo quy định [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03].

Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng [H3-3.2-05].

Mức 3:

Trường có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với âm nhạc, trang bị đầy đủ các trang thiết bị như: Gương, đàn, dụng cụ âm nhạc, trang phục. Chưa có phòng riêng cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học [H3-3.2-03].

2. Điểm mạnh:

Các phòng sinh hoạt chung, phòng chức năng đảm bảo an toàn, trang trí đẹp, có đủ đồ dùng; đảm bảo ấm áp về mùa lạnh thoáng mát về mùa hè. Có hệ thống đèn, quạt đảm bảo an toàn cho trẻ.

3. Điểm yếu:

Chưa có phòng riêng cho hoạt động ngoại khóa ngoại ngữ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường sẽ phối hợp với trung tâm ngoại ngữ Ngôi Sao Việt bổ sung đầy đủ trang thiết bị nghe nhìn, đồ chơi, bàn ghế...đáp ứng tốt hoạt động học ngoại ngữ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

- a) Có các loại phòng theo quy định;
- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;
- c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

- a) Đảm bảo diện tích theo quy định;
- b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.

Mức 3:

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có đầy đủ các loại phòng theo quy định như: Phòng hội trường, phòng hành chính, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng y tế, phòng nghỉ nhân viên, phòng bảo vệ [H3-3.3-01].

Các phòng đều được trang bị đầy đủ trang thiết bị như: Hệ thống âm thanh, máy chiếu, bàn ghế họp, tủ đựng hồ sơ, có các biểu bảng theo quy định, có máy vi tính nối mạng để làm việc và nghiên cứu [H3-3.3-02].

Nhà để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được bố trí phía hợp lý, đảm bảo an toàn tiện lợi, trật tự [H3-3.3-03].

Mức 2:

Các phòng hành chính - quản trị đảm bảo đủ diện tích theo quy định tại Điều lệ trường mầm non như: Phòng hội trường có diện tích 76,3m², phòng hiệu trưởng diện tích 29,7m², phòng phó hiệu trưởng diện tích 29,7m², phòng hành chính diện tích 15m², phòng y tế diện tích 22,5m², phòng bảo vệ diện tích 9m², phòng nghỉ nhân viên diện tích 39,5m² [H3-3.1-01].

Nhà để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên diện tích 63m² được xây dựng kiên cố nằm chung trong hệ thống công trình chính của trường, đảm bảo an toàn, trật tự, tiện lợi. Tuy nhiên diện tích nhà xe nhỏ [H3-3.1-01].

Mức 3:

Các phòng đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non [H3-3.1-01].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng với diện tích phù hợp yêu cầu và đủ đồ dùng và các phương tiện làm việc; phòng y tế có tủ y tế các loại thuốc thông dụng cần thiết, có sổ sách theo dõi sức khỏe của trẻ và cán bộ, giáo viên, nhân viên; có phòng bảo vệ, nhà để xe cho cán bộ giáo viên và nhân viên theo quy định.

3. Điểm yếu:

Nhà xe giáo viên nhân viên diện tích nhỏ, chưa đủ đáp ứng với số lượng xe của trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2019 - 2020 nhà trường sẽ có kế hoạch cân đối kinh phí mở rộng nhà xe đáp ứng nhu cầu sử dụng.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1:

- a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Bếp ăn được xây dựng kiên cố, có diện tích 183,75m² được thiết kế theo quy trình bếp một chiều; sử dụng gas công nghiệp, có đủ các phương tiện phục vụ nấu ăn, với các máy móc thiết bị hiện đại như: tủ hấp cơm, tủ sấy chén, máy xay thịt, sinh tố, có phòng giặt được trang bị máy giặt, máy hấp khăn cho trẻ [H3-3.4-01].

Kho thực phẩm với diện tích 12,25m², có phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, thực hiện đúng các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, có bảng ghi tồn kho theo quy định [H3-3.4-01].

Có 01 tủ lưu mẫu thức ăn đạt yêu cầu, hộp lưu mẫu được sắp xếp ngăn nắp, đúng nhiệt độ để bảo quản thức ăn, 01 tủ lạnh bảo quản thực phẩm, 01 tủ mát để yaour [H3-3.4-01].

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, diện tích 183,75m², được sắp xếp theo quy trình vận hành bếp 1 chiều từ khu tiếp phẩm, khu sơ chế, khu rửa, khu xắt thái, khu chế biến, khu chia thức ăn [H3-3.4-01]. Có đầy đủ đồ dùng bằng inox như: Xe đẩy, tủ hấp cơm, máy sấy tô chén, máy xay thịt, máy xay sinh tố, sắp xếp ngăn nắp, thuận tiện [H3-3.4-01]; có hệ thống hút khói, thoát mùi [H3-3.4-01]; bảng biểu phục vụ hoạt động bếp ăn [H3-3.4-01]; có tủ lạnh để lưu mẫu thực phẩm cho trẻ, đủ nước sử dụng và được xét nghiệm đạt tiêu chuẩn theo quy định; có trang bị xe tiếp cơm cho khối lá [H3-3.4-02]. Tuy nhiên, trường chưa trang bị xe tiếp cơm cho khối mầm, chòi giảm tải sức lao động cho giáo viên và cấp dưỡng.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non (Quy định tại khoản 1, 2 Mục VI Phần II của Quy chuẩn QCVN 07: 2010/BYT).

Nhà bếp thông thoáng, đủ ánh sáng, các cửa sổ có cửa lưới để chống chuột, ruồi, gián hoặc côn trùng khác. Tường, trần nhà nhẵn, bằng phẳng thuận tiện cho việc làm vệ sinh khử trùng. Bàn ghế, vật dụng nhà bếp được inox hóa, có đủ các phương tiện phục vụ cho việc làm vệ sinh, khử trùng. Có tủ lạnh, tủ đông, tủ mát để bảo quản thực phẩm. Bếp có hệ thống nước sạch, trang bị nơi rửa tay và xà phòng để nhân viên cấp dưỡng sử dụng, có đủ phương tiện thu gom vận chuyển rác thải, thực phẩm, thức ăn thừa chắc chắn, thuận tiện cho việc làm vệ sinh.

2. Điểm mạnh

Nhà trường được xây dựng kiên cố, rộng, thoáng, trang bị đầy đủ đồ dùng nhà bếp phục vụ trẻ ăn bán trú, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn, kho thực phẩm sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp và thuận tiện cho việc sử dụng.

3. Điểm yếu

Trường chưa trang bị xe tiếp cơm cho khối mầm, chòi nhằm giảm tải sức lao động cho giáo viên và cấp dưỡng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2019 - 2020 nhà trường có kế hoạch trang xe tiếp cơm cho khối chòi và năm 2020 – 2021 trang bị xe tiếp cơm cho khối mầm.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1:

a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 03 năm 2015 Ban hành danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H3-3.5-01].

Ngoài các thiết bị đồ dùng, đồ chơi có trong danh mục quy định, nhà trường còn đầu tư một số đồ dùng đồ chơi ngoài danh mục quy định phục vụ cho yêu cầu giảng dạy của giáo viên và vui chơi của trẻ như: Các loại lắp ráp, các loại cờ học tập, nguyên vật liệu tạo hình, sách truyện góc thư viện, được giáo viên sưu tầm, sáng tạo, tự làm... đảm bảo tính giáo dục, an toàn, thẩm mỹ, hiệu quả phù hợp với từng độ tuổi [H3-3-05-02]. Các đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự tạo bằng nguyên vật liệu mở có tính thẩm mỹ phù hợp nhu cầu trẻ nhưng độ bền không cao.

Trước khi vào năm học mới, nhà trường kiểm kê, sửa chữa, công cụ dụng cụ bị hư hỏng, bổ sung thêm đồ dùng đồ chơi tự làm [H3-3-05-03].

Mức 2:

Trường trang bị hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học, mỗi phòng ban đều có máy tính kết nối mạng, sử

dụng các phần mềm như: Phần mềm Imas, EPmis, Mind Manger 8.0, phần mềm quản lý tài sản, phần mềm tính dinh dưỡng, tiền chợ... [H3-3-05-04]. Các lớp sử dụng máy tính cho trẻ học tập các trò chơi Kidmas [H3-3-05-05].

Nhà trường có đủ thiết bị dạy học đồ chơi, đồ dùng cá nhân theo quy định, sử dụng hiệu quả trong công tác dạy và học tại Điều lệ trường mầm non [H3-3-05-06].

Hằng năm, trường có kế hoạch bổ sung, thay thế, nâng cấp thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 03 năm 2015 phù hợp như: Các loại đồ chơi lắp ráp, các khối, cơ vua, đồ chơi làm quen với toán, chữ viết... và các đồ chơi tự tạo bằng nguyên vật liệu mở (trò chơi bé làm nhạc công, đi trên gáo dừa, ném vòng vào cổ chai, cà kheo, cầu khỉ, cầu thăng bằng, lưới tung bóng) nhằm phục vụ tốt công tác chăm sóc và giáo dục trẻ [H3.3.05.07].

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định chưa được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị theo danh mục quy định phục vụ hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Hằng năm, nhà trường đều có thực hiện mua sắm, sửa chữa, bổ sung các đồ dùng đồ chơi đảm bảo theo tiêu chuẩn kỹ thuật đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho Giáo dục mầm non.

3. Điểm yếu

Các đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự tạo bằng nguyên vật liệu mở có độ bền thấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2019 - 2020 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục trang bị, bổ sung đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị phục vụ hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ và

xây dựng kế hoạch tổ chức hội thi làm đồ dùng đồ chơi sáng tạo, thể hiện tính thẩm mỹ và có độ bền cao nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng của đồ dùng, đồ chơi.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Mỗi lớp học đều có phòng vệ sinh cho trẻ, có đủ bồn tiểu, bồn cầu có vách ngăn cách riêng cho trẻ theo giới tính, lavabo cho trẻ rửa tay, có nhà vệ sinh riêng cho giáo viên; có 02 khu nhà vệ sinh chung cho cán bộ, giáo viên, nhân viên [H3-3.6-01]. Tất cả phòng vệ sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường và thuận tiện cho việc sử dụng [H3-3.6-02]. Trường không có trẻ khuyết tật [H1-1.2-05].

Trường có hệ thống thoát nước, cống rãnh được xây có nắp đậy, đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.6-03]. Sử dụng nguồn nước máy để chế biến thức ăn, sử dụng nguồn nước giếng trong sinh hoạt và trong vệ sinh cá nhân, có thực hiện xét nghiệm vi sinh, lý hóa mỗi năm đều đạt tiêu chuẩn [H3-3.6-04]; Các cháu

được uống nước khoáng Lemont, có chứng nhận của công ty cung cấp nước cho trẻ, giáo viên, nhân viên [H3-3.4-08].

Trường thực hiện ký hợp đồng thu gom rác với công ty Trách nhiệm hữu hạn Hữu Tín, hằng ngày được vận chuyển đến nơi xử lý tập trung theo các quy định hiện hành, không có rác thải, nước thải tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường [H3-3.6-05]. Trường có thùng đựng và phân loại rác thải, khu vực hành lang và các lớp có thùng đựng rác thải, Nhà chứa rác trang bị nhiều thùng rác lớn, có nắp đậy, đảm bảo vệ sinh môi trường sạch sẽ [H3-3.6-06].

Mức 2:

Phòng vệ sinh được xây khép kín bên trong các nhóm, lớp, nhà vệ sinh lớp mẫu giáo có diện tích $22,5\text{m}^2$, trung bình $0,6\text{m}^2/\text{trẻ}$, nhà vệ sinh nhóm nhà trẻ có diện tích $14,85\text{m}^2$ trung bình $0,4\text{m}^2/\text{trẻ}$, thiết bị vệ sinh phù hợp với trẻ, đủ phục vụ cho trẻ vệ sinh cá nhân, được phân chia nam, nữ riêng biệt, thuận tiện cho việc sử dụng, mỗi bồn vệ sinh đều có vòi xịt rửa, có ghế bô cho trẻ nhà trẻ, vòi xịt cho cô làm vệ sinh cho trẻ nhưng vách ngăn nhà vệ sinh lớp bằng nhôm, cao khó khăn cho việc quan sát trẻ [H3-3.6-07]. Trường có 2 khu nhà vệ sinh cho nhân viên, giáo viên diện tích mỗi khu vệ sinh là $32,5\text{m}^2/\text{khu}$ trong đó có khu vệ sinh nam nữ riêng, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định [H3-3.6-01].

Trường sử dụng hệ thống cung cấp nước sạch Công Ty cổ phần cấp nước Trung An, đảm bảo đủ nước uống và nước dùng trong sinh hoạt cho trẻ, cán bộ, giáo viên, nhân viên [H3-3.4-08]; [H3-3.6-04]. Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế, có cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường lớp, có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà bếp, nhà vệ sinh, có thùng đựng và phân loại rác thải, bố trí đủ các thùng rác có nắp đậy để phân loại, chứa đựng rác tạm thời, thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng,

nhà rác tập trung rác thải được bố trí cách biệt với các khu vực khác và có lối ra vào riêng, rác được thu gom hằng ngày, không có rác tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường [H3-3.6-08].

2. Điểm mạnh

Trường có hệ thống nước sạch, đảm bảo nguồn nước phục vụ cho mọi sinh hoạt trong nhà trường; hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Các lớp học đều có nhà vệ sinh riêng, đảm bảo khô ráo sạch sẽ.

3. Điểm yếu

Vách ngăn Phòng vệ sinh của lớp bằng nhôm, ngăn cao khó quan sát trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường có kế hoạch dự trù kinh phí thay vách ngăn cho các lớp vào năm học 2019-2020

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật:

Trường được thiết kế xây dựng kiên cố, thoáng mát; khuôn viên trường có tường rào bao quanh, có biển tên trường; hệ thống nước sạch, đảm bảo nguồn nước phục vụ cho mọi sinh hoạt trong nhà trường; hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh.

Phòng sinh hoạt chung đảm bảo an toàn, sạch sẽ, thoáng mát, với đầy đủ đồ dùng phục vụ cho trẻ theo quy định. Mỗi lớp đều có nhà vệ sinh riêng thuận tiện cho giáo viên và trẻ sử dụng.

Nhà trường trang bị đầy đủ đồ dùng nhà bếp phục vụ trẻ ăn bán trú, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn, kho thực phẩm sữa sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp và thuận tiện cho việc sử dụng.

Trường trang bị đầy đủ các đồ dùng, đồ chơi trong lớp và ngoài trời theo danh mục đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ.

Điểm yếu cơ bản:

Các đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự tạo bằng nguyên vật liệu mở có độ bền thấp.

Sân chơi bê tông hóa nhiều.

Chưa có phòng riêng cho hoạt động ngoại khóa ngoại ngữ.

Nhà xe giáo viên nhân viên diện tích nhỏ, chưa đủ đáp ứng với số lượng xe của trường.

Trường chưa trang bị xe tiếp cơm cho khối mầm, chòi nhằm giảm tải sức lao động cho giáo viên và cấp dưỡng.

Vách ngăn Phòng vệ sinh của lớp bằng nhôm, ngăn cao khó quan sát trẻ.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu: Trường Mầm non 19/8 có Ban đại diện cha mẹ học sinh nhiệt tình năng nổ hoạt động theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp cùng nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với hoạt động của nhà trường trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ. Trường làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đồng thời góp phần xây dựng cơ sở vật chất nhà trường ngày một khang trang.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

Hằng năm, nhà trường tiến hành tổ chức họp toàn thể Ban đại diện Cha mẹ học sinh và bầu ra Ban đại diện Cha mẹ học sinh gồm có 01 trưởng ban, 01 phó ban, 01 thư ký và 15 ủy viên; hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-01].

Ban đại diện cha mẹ học sinh có kế hoạch hoạt động từng năm học theo quy định của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 [H4-4.1-02].

Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ thông qua họp đầu năm học, các cuộc họp bất thường, bản tin của trường, lớp và thông qua việc trao đổi trực tiếp với giáo viên chủ nhiệm của từng nhóm lớp [H4-4.1-02].

Mức 2

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục, các lễ hội... [H4-4.1-02]. Hướng dẫn tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục cha mẹ trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ thông qua họp đầu năm học, bản tin của lớp, vận động cha mẹ trẻ tham dự nghe bác sĩ báo cáo chuyên đề tại trường và tư vấn hướng dẫn cha mẹ trẻ về cách chăm sóc sức khỏe cho trẻ [H4-4.1-03]. Giáo viên các lớp và phụ huynh thường xuyên trao đổi thông tin về tình hình sức khỏe, tình hình ăn ngủ của trẻ trong ngày qua giờ đón, trả trẻ, sổ bé ngoan, sổ liên lạc để có sự thống nhất trong chăm sóc giáo dục trẻ [H4-4.1-04].

Mức 3

Ban đại diện cha mẹ trẻ em phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành [H4-4.1-02].

2. Điểm mạnh:

Ban đại diện cha mẹ trẻ em hoạt động theo Điều lệ trường mầm non ban hành, phối hợp cùng nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động có hiệu quả trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu:

Một số phụ huynh bận công tác nên chưa có thời gian tham gia vào nhiều hoạt động của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2018 - 2019 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì tổ chức các buổi chuyên đề để tuyên truyền đến phụ huynh những kiến thức về chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ. Đẩy mạnh công tác phối hợp, tạo cầu nối vững chắc giữa nhà trường và gia đình, giữa giáo viên và phụ huynh, dùng nhiều hình thức tuyên truyền đa dạng và phong phú hơn để tạo sự quan tâm nhiều hơn của phụ huynh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

Hàng năm, trường tham mưu với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Sơn trong việc huy động trẻ 5 tuổi ra lớp đạt tỷ lệ 100% theo Đề án phổ cập Giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi [H4-4.2-01]; đề xuất Ủy ban nhân dân xã các biện pháp giữ gìn an ninh trật tự xung quanh trường; ký kết quy chế phối hợp với công an xã Xuân Thới Sơn về đảm bảo an ninh trường học [H4-4.2-02].

Nhà trường phối hợp tốt với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân và cha mẹ học sinh để tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức như: Thông qua các cuộc họp giữa nhà trường và cha mẹ trẻ, trao đổi giữa cán bộ, giáo viên và cha mẹ trẻ em, thông qua bản tuyên truyền của trường và nhóm lớp, giảm học phí, hỗ trợ ăn trưa cho trẻ hộ nghèo, cận nghèo. [H4-4.1-03].

Trường thường xuyên liên hệ chặt chẽ với công an xã, xã đội không để tình trạng mua bán gây ùn tắc giao thông trước cổng trường, đảm bảo an ninh, an toàn trong trường [H4-4.2-02]; phối hợp với trạm y tế xã tập huấn, tuyên truyền cho cán bộ, giáo viên, nhân viên về kiến thức, kỹ năng cơ bản để xử lý kịp thời những tình huống xảy ra nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ [H4-4.2-04]

Mức 2

a) Hằng năm, nhà trường phối hợp với chính quyền địa phương và Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn hỗ trợ 100% học phí cho học sinh thuộc hộ nghèo, học sinh thuộc dân tộc Khơ-me theo quy định Nhà nước tạo điều kiện giúp các cháu tiếp tục đến trường [H4-4.2-03] hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non [H4-4.2-01]. Tham mưu với cấp ủy Đảng, Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Sơn, phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn trang bị bổ sung cơ sở vật chất giữ vững trường Chuẩn quốc gia mức độ 1, xây dựng Đơn vị văn hoá, trường học An toàn, an ninh, trật tự phục vụ tốt công tác chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ tại đơn vị, tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H1-1.8-04]; [H4-4.2-02]; [H4-4.2-05].

Nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương như: ngày hội bé đến trường, hội thi trò chơi dân gian, tết Trung Thu, lễ hội giáng sinh, tham quan doanh trại bộ đội, lễ hội tết và mùa xuân, giỗ tổ Hùng Vương, thăm và dâng hương khu di tích Ngã Ba Giòng, dâng hương đài tưởng niệm liệt sĩ xã Xuân Thới Sơn, tham quan trường Tiểu học Xuân Thới Thượng [H4-4.2-06].

Mức 3

Nhà trường chưa xây dựng được kế hoạch tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Tham mưu lãnh đạo địa phương làm con đường trước cổng trường thuận tiện cho phụ huynh và giáo viên, nhân viên đi lại nhưng chưa được xây dựng.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn cho trẻ.

3. Điểm yếu

Nhà trường có tham mưu tráng nhựa con đường trước cổng trường với lãnh đạo địa phương nhưng hiện nay vẫn chưa tiến hành.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2019 - 2020 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy có hiệu quả việc tham mưu với chính quyền địa phương, đồng thời huy động được nhiều nguồn lực xã hội, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương. Nhà trường xây dựng kế hoạch tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Tiếp tục kiên trì tham mưu xây dựng con đường trước cổng trường theo nhu cầu của phụ huynh học sinh và giáo viên, nhân viên trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật:

Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và đồng hành cùng nhà trường trong các hoạt động của đơn vị. Nhà trường làm tốt công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường, có mối liên hệ mật thiết với phụ huynh học sinh và chính quyền địa phương để giữ gìn an ninh trật tự, tài sản, huy động được các nguồn lực giúp nhà trường nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

Điểm yếu cơ bản:

Một số phụ huynh bận công tác nên chưa có thời gian tham gia vào nhiều hoạt động của nhà trường.

Nhà trường có tham mưu tráng nhựa con đường trước cổng trường với lãnh đạo địa phương nhưng hiện nay vẫn chưa tiến hành.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu:

Để nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ, trường Mầm non 19/8 thực hiện Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi và theo chỉ đạo của ngành. Thực hiện nhiều chuyên đề cho huyện, cho trường hiệu quả. Giáo viên của trường hiểu và vận dụng tốt phương pháp giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tổ chức hình thức giáo dục đa dạng nhằm giúp trẻ phát triển tốt về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, thẩm mỹ. Giáo viên còn hình thành cho trẻ một số kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi. Cán bộ quản lý có kế hoạch kiểm tra đánh giá quá trình phát triển của trẻ theo các lĩnh vực một cách thường xuyên, đảm bảo tính khách quan để cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường có kế hoạch nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ giúp trẻ phát triển một cách toàn diện. Trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì luôn được quan tâm chăm sóc, số trẻ suy dinh dưỡng luôn giảm còn dưới 1% cuối năm.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;

c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

Mức 2

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.

Mức 3

a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương.

b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch từng năm học phù hợp với chỉ đạo của ngành, đặc điểm tình hình của từng nhóm lớp và được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn phê duyệt [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch năm học, tùy tình hình nhận thức của trẻ trong nhóm lớp và đặc điểm cơ sở vật chất của nhà trường, 100% giáo viên các nhóm lớp phát triển Chương trình giáo dục mầm non theo theo Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-GDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.8-01]. Các lớp thực hiện Kế hoạch đầy đủ trên phần mềm

Mindjet MindManager 8, kịp thời cập nhật theo năm, tháng, tuần, theo tình hình lớp, khả năng cháu và chuẩn bị giáo cụ tổ chức các hoạt động cho trẻ [H1-1.8-02].

Phó hiệu trưởng và tổ trưởng chuyên môn nhà trường kiểm tra, nhận xét, đánh giá kế hoạch giáo dục của giáo viên để kịp thời rà soát, điều chỉnh kế hoạch phù hợp mang lại hiệu quả chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.8-03]. Tuy nhiên, trong sinh hoạt chuyên môn còn một số giáo viên chưa tích cực thảo luận, chia sẻ, trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ cùng đồng nghiệp, còn ngại nêu thắc mắc những vấn đề chưa rõ trong việc thực hiện chương trình giáo dục [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02]; [H1-1.8-02].

Mức 2

30/37 giáo viên đạt tỷ lệ 90.1%, 100% nhóm lớp xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đạt chất lượng: Chương trình giáo dục phù hợp từng lứa tuổi, có nội dung phát triển các lĩnh vực của trẻ, các hình thức giáo dục đa dạng. Ngoài ra, giáo viên hiểu và ứng dụng tốt phương pháp giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tận dụng sản phẩm của trẻ tổ chức môi trường hoạt động hiệu quả [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Năm học 2018 - 2019, số trẻ được theo dõi, đánh giá chất lượng giáo dục là 612/612 trẻ, tỷ lệ 100% trẻ toàn trường, số trẻ đạt tốt trên các lĩnh vực giáo dục với tỉ lệ như sau: Thể chất: trẻ mẫu giáo đạt 526/537 (97,9%), trẻ nhà trẻ 76/82 bé 92,68% ; nhận thức: trẻ mẫu giáo 525/537 (97,7%), trẻ nhà trẻ 77/82 bé 93,9%; ngôn ngữ: trẻ mẫu giáo 527/537 (98,1%), nhà trẻ 77/82 bé 93,9%; thẩm mỹ: trẻ mẫu giáo 529/537 (98,5%) ; tình cảm và kỹ năng xã hội: trẻ mẫu giáo 528/537 (98,5%), nhà trẻ 78/82 bé 95,12%. Có 193/193 trẻ 5-6 tuổi được chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 100%; 193/193 trẻ lớp lá trong trường được theo dõi đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi, tỷ lệ 100% [H5-5.1-02].

Mức 3

Nhà trường chưa đủ điều kiện phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương do điều kiện thực tế chưa đáp ứng đủ.

Hằng năm nhà trường tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục nhằm kịp thời điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em [H5-5.1-01].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường tổ chức thực hiện tốt Chương trình giáo dục mầm non theo đúng kế hoạch đề ra, có sự theo dõi định kỳ rà soát và đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện, văn hóa địa phương và đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ em góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của nhà trường, trẻ phát triển các lĩnh vực rất tốt, mẫu giáo đạt từ 97.7% - 98.5%, nhà trẻ đạt từ 92.68%- 95.12%.

3. Điểm yếu:

Nhà trường chưa đủ điều kiện ứng dụng thực hiện tiên tiến hiện đại phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương.

Sinh hoạt chuyên môn còn một số giáo viên chưa tích cực thảo luận, chia sẻ, trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ cùng đồng nghiệp, còn ngại nêu thắc mắc những vấn đề chưa rõ trong việc thực hiện chương trình giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2018 - 2019 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục thực hiện và phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo đúng kế hoạch đề ra. Chỉ đạo giáo viên lồng ghép các yếu tố có liên quan đến văn hóa của địa phương, vùng, miền vào kế hoạch giáo dục phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ phù hợp nhu cầu phát triển của xã hội.

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng cho các giáo viên mới nằm bắt kịp thời Chương trình giáo dục mầm non như: Tham gia các lớp bồi dưỡng do phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức, tham dự các chuyên đề, các tiết thao giảng. Thường xuyên họp, thảo luận, tạo điều kiện, khuyến khích giáo viên mạnh dạn nêu vấn đề hạn chế, góp ý xây dựng nâng cao chuyên môn...Đồng thời hướng dẫn các tổ xây dựng kế hoạch thực hiện chuyên đề còn hạn chế của từng tổ.

Xây dựng kế hoạch dài hạn hướng đến mục tiêu Trường tiến tiến hiện đại so với các nước trong khu vực.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

Giáo viên nghiêm túc thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trên cơ sở vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học đảm bảo phù

hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục và phù hợp với đặc điểm tình hình của nhóm lớp, điều kiện nhà trường cũng như đặc điểm phát triển của cá nhân trẻ [H1-1.8-02].

Chú trọng tổ chức môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm nhằm tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm dựa trên hứng thú, nhu cầu của trẻ; đánh giá đúng, tôn trọng và phát huy được khả năng, thế mạnh của mỗi trẻ; tạo điều kiện giúp mỗi đứa trẻ đều có cơ hội tốt nhất để phát triển [H1-1.8-02]; [H5-5.2-01].

Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế tại nhóm lớp như: hoạt động có chủ định của giáo viên, hoạt động lễ hội, hoạt động tham quan, dã ngoại, hoạt động trong lớp, hoạt động ngoài trời, hoạt động cả lớp- nhóm- cá nhân [H5-5.2-01].

Mức 2

Nhà trường chú trọng tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế, các lớp bố trí góc khoa học với nguyên vật liệu phong phú để trẻ thí nghiệm theo nhu cầu, giáo viên tạo điều kiện cho trẻ quan sát, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh khi tổ chức hoạt động dạy học, hoạt động ngoài trời, tham quan, dã ngoại nhưng số lượng trẻ từ 4 – 5 tuổi, 5 – 6 tuổi đăng ký tham quan dã ngoại chưa đạt 100% số lượng trẻ do phụ huynh còn ngại cho con trải nghiệm khi không có gia đình bên cạnh [H1-1.8-02]; [H5-5.2-01].

Mức 3

Nhà trường tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”, trong lớp học có đủ các góc chơi, đủ đồ dùng, đồ chơi, mảng tường của lớp có các trò chơi cho trẻ hoạt động, ngoài lớp học có bố trí đồ chơi ngoài trời, khu chơi vận động, khu nhà chòi dân gian, khu vực trồng rau, khu chơi cát, chơi nước, sân trường vẽ một số trò chơi vận động, dân gian... [H5-5.2-01].

2. Điểm mạnh:

Giáo viên linh hoạt tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm và nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp. Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

3. Điểm yếu:

Số lượng trẻ 4 – 5 tuổi, 5 – 6 tuổi tham gia các chuyên tham quan chưa đạt hết 100%.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2018-2019 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục triển khai, chỉ đạo giáo viên tăng cường đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục; cùng trẻ thiết kế môi trường giáo dục trong và ngoài lớp phù hợp với khả năng, nhu cầu thực tế của trẻ để thu hút lượng trẻ tham gia hoạt động cao hơn. Tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn nâng cao nghiệp vụ cho giáo viên đổi mới phương pháp giảng dạy linh hoạt, sáng tạo thu hút trẻ vào các hoạt động hiệu quả hơn.

Cán bộ quản lý hướng dẫn cho giáo viên tuyên truyền, vận động phụ huynh tạo điều kiện cho trẻ tham gia, có kế hoạch chi tiết tham quan, dã ngoại đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ để phụ huynh yên tâm đăng ký cho con tham gia các hoạt động tham quan, trải nghiệm thực tế nhiều hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mức 1

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3

Có ít nhất 95% trẻ em khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

Ngay từ đầu năm học, nhà trường phối hợp bệnh viện Đa khoa Xuyên Á khu vực Hóc Môn tổ chức khám sức khỏe phân loại tình trạng sức khỏe cho bé, ngoài ra, nhà trường còn phối hợp chặt chẽ với trạm y tế xã chăm lo sức khỏe cho bé như tiêm ngừa vắc-xin sởi, phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ [H5-5.3-01].

Năm học 2018 - 2019: 612/612 đạt 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định [H5-5.3-02].

100% trẻ em suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp dinh dưỡng, vận động phù hợp, trẻ suy dinh dưỡng - dư cân - béo phì được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng và báo cáo hàng tháng [H5-5.3-03]. Có chế độ dinh dưỡng riêng cho trẻ suy dinh dưỡng, trẻ thừa cân - béo phì, kết hợp cho trẻ tăng cường vận động mỗi sáng theo lịch vận động dư cân [H5-5.3-03]. Năm học 2017-2018, tình trạng dinh dưỡng của trẻ em cải

thiện so với đầu năm học; số lượng trẻ thừa cân - béo phì đầu vào là 50/622 bé, đầu ra là 16/622 bé, phục hồi 34/622 bé đạt tỉ lệ: 5.5%, số lượng trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân đầu vào là 2/622 bé, đầu ra là 0/622 bé, phục hồi 2/622 bé đạt tỷ lệ 100%, số lượng trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi đầu vào 6/622 bé, đầu ra là 0/622 bé, phục hồi 6/622 bé đạt tỷ lệ 100%, số lượng trẻ suy dinh dưỡng mãn đầu vào là 1/622 bé, đầu ra là 0/622 bé, phục hồi 1/622 bé đạt tỷ lệ 100% [H5-5.3-03].

Mức 2

Nhà trường có kế hoạch tổ chức tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ em trong công tác phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì cho trẻ như: tư vấn chế độ dinh dưỡng hợp lý dành cho trẻ đến phụ huynh; tuyên truyền kiến thức khoa học về tác hại, nguyên nhân dẫn đến tình trạng dư cân, béo phì [H5-5.3-01].

Chế độ dinh dưỡng của trẻ em tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 777/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2017 (điều chỉnh lại điểm d khoản 2 Điều 1 Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT), xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi, thực đơn được xây dựng đa dạng, phong phú, theo ngày, theo tuần, theo mùa, thực đơn trong tuần không trùng lặp nhau, ngoài ra trẻ còn được ăn trứng, phô mai, uống sữa, ăn yaour, bánh flan... [H5-5.3-04].

Trường tổ chức cân cho trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì hàng tháng và báo kết quả cân đo cho phụ huynh, đồng thời trao đổi thông tin của trẻ đến phụ huynh nhằm có biện pháp hợp lý cải thiện tình trạng sức khỏe của trẻ trong việc chọn sữa phù hợp thể trạng và thời gian bổ sung sữa hợp lý trong ngày cho trẻ, năm học 2018 - 2019, tình trạng dinh dưỡng của trẻ em cải thiện so với đầu năm học; số lượng trẻ thừa cân - béo phì đầu vào là 2/622 bé, đầu ra là 16/622 bé, phục hồi 34/622 bé đạt tỉ lệ 5.5%, số lượng trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân đầu vào là 2/622 bé, đầu ra là 0/622 bé, phục hồi 2/622 bé đạt tỷ lệ 100%, số

lượng trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi đầu vào 6/622 bé, đầu ra là 0/622 bé, phục hồi 6/622 bé đạt tỷ lệ 100%, số lượng trẻ suy dinh dưỡng mãn đầu vào là 1/622 bé, đầu ra là 0/622 bé, phục hồi 1/622 bé đạt tỷ lệ 100% [H5-5.3-03].

Mức 3

Tính đến thời điểm đánh giá có 606/622 tỷ lệ 97.4% trẻ em khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường [H5-5.3-02].

2. Điểm mạnh:

Trường phối hợp tốt với trạm y tế xã Xuân Thới Sơn trong công tác chăm sóc sức khỏe, tiêm ngừa, phòng chống dịch bệnh cho trẻ, phát triển bình thường theo độ tuổi đạt tỷ lệ đạt 97.4%. Chế độ dinh dưỡng của trẻ em tại trường được đảm bảo cân đối, trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tỉ lệ phục hồi trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân, suy dinh dưỡng chiều cao còn dưới 1%.

3. Điểm yếu:

Tỉ lệ trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường đạt 97.4% , còn 16/622 bé chiếm tỉ lệ 2.6% trẻ béo phì chưa xóa.

Tỉ lệ trẻ béo phì còn 16/ bé.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2019 - 2020 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục thực hiện mô hình, tăng cường phối hợp với đoàn thể trong trường và phụ huynh trong công tác phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì tại đơn vị. Tập thể nhà trường tuyên truyền đến cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ các thông tin kiến thức trong việc đảm bảo chế độ ăn hợp lý cho trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì, cho trẻ được vận động và tiếp xúc nhiều hơn với nắng sáng, bổ sung sữa hợp lý cho trẻ ở nhà cũng như ở trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi.

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%.

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

Mức 3

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%.

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

Giáo viên phối hợp tốt với phụ huynh và quản lý trẻ hằng ngày; khi trẻ vắng không phép, giáo viên chủ động liên hệ với phụ huynh để biết lý do trẻ nghỉ học, trẻ đi học chuyên cần đạt từ 94.4% - 96.5% trong đó trẻ 5 tuổi đạt 96% - 98.5% trẻ lứa tuổi khác đạt 91,08% [H5-5.4-01]. Tuy nhiên, một số trẻ còn nghỉ học do phụ huynh cho trẻ về quê, tham quan du lịch.

Trường thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục mầm non và nâng cao chất lượng giáo dục trẻ 05 tuổi, tỉ lệ trẻ 05 tuổi hoàn thành Chương trình Giáo

dục mầm non đạt tỷ lệ 100% [H5-5.4-02].

Năm học 2014-2015 đến nay trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.2-04].

Mức 2

Tỷ lệ chuyên cần trẻ 5 tuổi đạt 96% - 98.5%; trẻ dưới 5 tuổi 94.4% - 96.5% [H5-5.4-01].

Trẻ 05 tuổi hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 100% [H5-5.4-02]

Năm học 2014-2015 đến nay trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.2-05].

Mức 3

Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt trên mức quy định, năm học 2018 - 2019, trường có 193/193 trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non, đạt tỷ lệ 100% [H5-5.4-02].

Năm học 2014 - 2015 đến nay trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh:

Tỷ lệ chuyên cần đạt trên mức quy định: trẻ 5 tuổi đạt 96% - 98.5%; trẻ dưới 5 tuổi đạt 94.4% - 96.5%. Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt trên mức quy định. Năm học 2018-2019, trường có 193/193 trẻ 5 tuổi hoàn thành CTGD MN đạt tỷ lệ 100%.

3. Điểm yếu:

Còn một số trẻ chưa đi học chuyên cần.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2018 - 2019 và những năm tiếp theo trường tiếp tục tăng cường tuyên truyền, phối hợp với các đoàn thể trong xã và phụ huynh thực hiện tốt đề án phổ cập giáo dục trẻ 5 tuổi tại trường và duy trì được tỷ lệ chuyên cần của trẻ, nâng cao thể lực của trẻ nhóm nhà trẻ nhằm từng bước nâng cao tỉ lệ chuyên cần của trẻ nhà trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật:

Trường có kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ mang tính khả thi. Có sự phối hợp nhịp nhàng giữa công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục giúp trẻ phát triển toàn diện. Có sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ giúp trẻ đạt những kỹ năng phù hợp với độ tuổi, phù hợp với Chương trình Giáo dục mầm non.

Điểm yếu cơ bản:

Nhà trường chưa đủ điều kiện ứng dụng thực hiện tiên tiến hiện đại phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương.

Sinh hoạt chuyên môn còn một số giáo viên chưa tích cực thảo luận, chia sẻ, trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ cùng đồng nghiệp, còn ngại nêu thắc mắc những vấn đề chưa rõ trong việc thực hiện chương trình giáo dục.

Số lượng trẻ 4 – 5 tuổi, 5 – 6 tuổi tham gia các chuyên tham quan chưa đạt hết 100%.

Số lượng trẻ dư cân, béo phì còn cao.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04

PHẦN III:

KẾT LUẬN CHUNG

Trường Mầm non 19/8 đã thực hiện báo cáo quá trình tự đánh giá theo 5 tiêu chuẩn mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành. Tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường đã đối chiếu 25 tiêu chí, 75 chỉ báo theo quy định, với các thành quả về hoạt động chăm sóc giáo dục của nhà trường đã đạt được trong 5 năm học vừa qua với Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường mầm non, trường đã đạt được những kết quả cụ thể về các tiêu chí và chỉ số như sau:

- Số lượng và tỉ lệ (%) các tiêu chí đạt và không đạt:
 - + Số lượng và tỉ lệ các tiêu chí đạt Mức 1: 25/25, tỉ lệ 100%
 - + Số lượng và tỉ lệ các tiêu chí không đạt Mức 1:
 - + Số lượng và tỉ lệ các tiêu chí đạt Mức 2: 25/25, tỉ lệ 100%
 - + Số lượng và tỉ lệ các tiêu chí không đạt Mức 2:
 - + Số lượng và tỉ lệ các tiêu chí đạt Mức 3: 14/19, tỉ lệ 73,7%
 - + Số lượng và tỉ lệ các tiêu chí không đạt Mức 3: 5/19, tỉ lệ 26,3%.
- Mức đánh giá của trường mầm non: Mức 2;
- Trường mầm non đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2.

Trên đây là toàn bộ báo cáo tự đánh giá chất lượng chăm sóc giáo dục của trường Mầm non 19/8 về công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non. Nhà trường kính mong được sự chỉ đạo quan tâm, hướng dẫn, giúp đỡ của các cấp lãnh đạo các cấp quản lý, các cấp ủy Đảng, sự phối hợp của các ban ngành, đoàn thể chính quyền địa phương, sự hỗ trợ của các mạnh thường quân, ban đại diện cha mẹ học sinh đóng góp ý kiến để trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu. Từ đó, nhà trường sẽ có cơ sở và biện pháp cải tiến nhằm đưa chất lượng chăm sóc, giáo dục tại đơn vị ngày càng tốt hơn, hoàn thiện hơn, trường ngày càng phát triển toàn diện và bền vững./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 05 năm 2019


HIỆU TRƯỞNG

Trịnh Thị Lan